

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-03-2022

V/v tranh chấp không công nhận quan hệ  
vợ chồng, xác định cha cho con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tuyến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dôn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Kim Seung W, nơi cư trú: Pung mudong Gimpo, Gyeonggi-do 104-402 622-13 Villa Sinhyeondae, Korea (Hàn Quốc); vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đức K, nơi cư trú: Thôn Nn, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

Chị kết hôn với anh Kim Seung W trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc từ năm 2016, nhưng chưa thực hiện việc ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam. Toàn bộ giấy tờ kết hôn đều do anh Kim Seung W quản lý. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh Kim Seung W trở về Hàn Quốc sinh sống. Chị sinh sống ở Việt Nam. Sau đó chị và anh Kim Seung W không liên lạc, quan tâm đến nhau. Chị và anh Kim Seung W sống ly thân với nhau từ giữa năm 2016 cho đến nay. Nay, chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Kim Seung W để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống. Trường hợp theo pháp luật Việt Nam nếu không công nhận việc đăng ký kết hôn giữa chị với anh Kim Seung W ở nước ngoài là hợp pháp thì chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung: Chị và anh Kim Seung W không có con chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc xác nhận cha cho con: Trong quá trình chưa chấm dứt hôn nhân về mặt pháp lý với anh Kim Seung W, chị có phát sinh tình cảm với anh Nguyễn Đức K và có thai sinh ra cháu gái vào ngày 29/6/2017 với tên dự sinh là Nguyễn Bảo Anh theo Giấy chứng sinh số 007368 Quyển số 75/2017 tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. Chị đề nghị Tòa án xác nhận cháu gái nêu trên là con của chị và anh Nguyễn Đức K.

*Đối với bị đơn anh Kim Seung W:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc ủy thác thông qua Bộ Tư pháp. Ngày 08/02/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 230/BTP-PLQT ngày 24/01/2022 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh Kim Seung W thể hiện: Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho anh Kim Seung W qua đường bưu điện nhưng bưu điện không thể giao được cho anh Kim Seung W (đóng cửa, vắng mặt). Để đảm bảo giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và niêm yết tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đối với anh Kim Seung W. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và niêm yết tại Trụ sở TAND thành phố Hải Phòng đối với anh Kim Seung W.

*Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức K trình bày:*

Anh thống nhất với lời khai của chị Trần Thị N về việc xác nhận cha cho con. Anh đề nghị TAND thành phố Hải Phòng xác nhận cháu gái vào ngày

29/6/2017 với tên dự sinh là Nguyễn Bảo Anh theo Giấy chứng sinh số 007368 Quyền số 75/2017 tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng là con đẻ của anh với chị Trần Thị N.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đức K có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến và không có sự thay đổi nội dung tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 288, điểm b khoản 5 Điều 477, điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Kim Seung W; không giải quyết về con chung, tài sản chung giữa chị Trần Thị N và anh Kim Seung W; xác định anh Nguyễn Đức K là cha đẻ của cháu gái do chị Trần Thị N sinh vào ngày 29/6/2017 với tên dự sinh là Nguyễn Bảo Anh theo Giấy chứng sinh số 007368 Quyền số 75/2017 tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. Về án phí dân sự sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, xác định cha cho con, nguyên đơn chị Trần Thị N đang sinh sống tại Hải Phòng, bị đơn anh Kim Seung W là người nước ngoài và sinh sống tại Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Kim Seung W, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành thực hiện các biện pháp đối với anh Kim Seung W theo đúng quy định theo khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Kim Seung W vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228; **điểm b khoản 5 Điều 477,**

**điểm c khoản 6 Điều 477 BLTTDS**, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Trần Thị N kết hôn với anh Kim Seung W tự nguyện. Theo chị N trình bày: Chị và anh Kim Seung W có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc vào năm 2016 nhưng không ghi chú kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam. Quá trình chung sống của chị N và anh Kim Seung W hạnh phúc được mấy tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh Kim Seung W phải trở về Hàn Quốc, chị N ở Việt Nam. Anh chị sống ly thân, không quan tâm, liên lạc với nhau từ giữa năm 2016 cho đến nay. Tại Công văn số 52/PTP-HT ngày 16/3/2022 của Phòng Tư pháp huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xác nhận không có thông tin liên quan đến việc thực hiện việc ghi chú kết hôn của chị Trần Thị N và anh Kim Seung W tại UBND huyện Kiến Thụy. Chính vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ giữa chị Trần Thị N và anh Kim Seung W không được pháp luật Việt Nam công nhận là vợ chồng mà được xét là nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Kim Seung W.

[4] Về con chung, tài sản chung: Chị Trần Thị N xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung. Tuy nhiên, do anh Kim Seung W không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung, mặt khác chị Trần Thị N không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về việc xác định cha cho con: Theo lời khai của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đức K đều thống nhất thể hiện: Cháu gái do chị Trần Thị N sinh vào ngày 29/6/2017 với tên dự sinh là Nguyễn Bảo Anh theo Giấy chứng sinh số 007368 Quyền số 75/2017 tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng là con đẻ của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đức K. Tại Kết quả xét nghiệm ADN ngày 03/4/2021 của Công ty TNHH Dịch vụ khoa học kỹ thuật Genpro thể hiện: Anh Nguyễn Đức K có quan hệ huyết thống cha-con với cháu Nguyễn Bảo Anh, với độ tin cậy 99,999999%. Từ phân tích nêu trên, căn cứ vào Điều 88, Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N xác định anh Nguyễn Đức K là cha đẻ của cháu Nguyễn Bảo Anh.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị N được chấp nhận nên chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6.2] Phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thị N là nguyên đơn nên phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Kim Seung W .

2. Về con chung, tài sản chung: Chị Trần Thị N xác nhận không có con chung, không có tài sản chung với anh Kim Seung W và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về việc xác định cha cho con: Xác định anh Nguyễn Đức K là cha đẻ của cháu gái do chị Trần Thị N sinh vào ngày 29/6/2017 với tên dự sinh là Nguyễn Bảo Anh theo Giấy chứng sinh số 007368 Quyển số 75/2017 tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.

4. Về án phí dân sự và phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018810 ngày 30 tháng 3 năm 2021 và 200.000 đồng phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018811 ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đức K (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Kim Seung W (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Tuyến**